TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thu Thủy, bà Bùi Thị Kim Hoàng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Thức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/5/2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST- DS ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1988, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Đại L, sinh năm 1985, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1951, bà Phạm Thị H, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đại L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Tam L, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012. Trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Đại L thường hay uống rượu rồi về chửi bới, đánh đập vợ con. Do vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một người con chung là Lê Đại Q, sinh

ngày 26/02/2013. Nay con đủ 7 tuổi nên con muốn ở với ba thì chị N thống nhất theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Chị và anh L có một chiếc xe máy hiệu Wave, biển số 92-N5 4570 mua của anh Huỳnh Ngọc Th, hiện nay xe chưa sang tên. Trị giá xe Wave là 5.000.000 đồng.

Một ngôi nhà cấp 4, có diện tích 108 m^2 được làm trên đất của ông Huỳnh Ngọc T cho, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 00, có tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, cùng các đồ dùng trong gia đình, trị giá nhà và đất: 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Khi ly hôn chị N yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Nợ ông Huỳnh Ngọc T và bà Phạm Thị H số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và 2 cây vàng 9999, hiệu Nghĩa Tín. Nếu ly hôn, chị N yêu cầu chia đôi nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh L thống nhất thỏa thuận được việc chia tài sản; chị N, anh L và ông T, bà H thống nhất thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất với trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và con chung. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại nhưng mâu thuẫn không có gì nghiêm trọng nên anh L không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Vợ chồng anh có 01 người con chung như chị N trình bày, nếu ly hôn anh L nhận nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh thống nhất về tài sản chung và nợ chung như chị N đã trình bày. Trong quá trình giải quyết anh, chị N cùng với ông T, bà H thống nhất thỏa thuận về chia tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T và bà Phạm Thị H trình bày: Vợ chồng chị N và anh L có nợ vợ chồng ông, bà số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và 2 cây vàng 9999, hiệu Nghĩa Tín. Nay vợ chồng anh L, chị N ly hôn thì yêu cầu chị N, anh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Trong quá trình giải quyết anh L, chị N với ông T, bà H thống nhất thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình: Cho chị Huỳnh Thị N ly hôn với anh Lê Đại L. Về nuôi con: Giao cháu Lê Đại Q, sinh ngày 26/02/2013 cho anh L nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết, các đương sự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho các đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N và anh Lê Đại L kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh L có khi uống rượu rồi cãi vã, xô xát với chị N và đã có lần bạo hành gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị N kiên quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của chị N và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị N là đúng quy đinh tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con: Chị N và anh L có một người con chung là cháu Lê Đại Q, sinh ngày 26/02/2013. Xét thấy, nếu ly hôn chị N và anh L thống nhất thỏa thuận giao cháu Quý cho anh L nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu Quý. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh L, giao cháu Quý cho anh L nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Chị N rút lại yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Huỳnh Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị N ly hôn với anh Lê Đại L.

Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; chị Huỳnh Thị N và anh Lê Đại L thống nhất giao cháu Lê Đại Q, sinh ngày 26/02/2013 cho anh Lê Đại L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Huỳnh Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 3.650.000 (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003819 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 3.350.000 (*Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2020), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Tam Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành